

Số: 74/2019/QĐST-HNGĐ

A, ngày 10 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 126/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Anh Lương Đình P, trú tại: Thôn B, xã T, huyện T, thành phố H và chị Ngô Thị Hải Y; nơi ĐKKHTT: Thôn B, xã T, huyện T, thành phố H, hiện trú tại: Thôn Q, xã A, huyện A, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Đình P và chị Ngô Thị Hải Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T, huyện T, thành phố H vào ngày 15 tháng 9 năm 2010. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách lối sống không hợp nhau, thường hay nghi ngờ lẫn nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng lúc nào cũng căng thẳng, vợ chồng sống ly thân với nhau đã được 04 năm nay, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ được nên anh Lương Đình P và chị Ngô Thị Hải Y có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện A, thành phố H công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Anh Lương Đình P và chị Ngô Thị Hải Y có một con chung là Lương Trung Đ, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2011. Anh Lương Đình P và chị Ngô Thị Hải Y thỏa thuận giao cho anh Lương Đình P nuôi con Lương Trung Đ cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản và nợ chung: Anh Lương Đình P và chị Ngô Thị Hải Y không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Lương Đình P và chị Ngô Thị Hải Y thỏa thuận anh Lương Đình P nhận nộp cả 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Xét việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[5] Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 02 tháng 5 năm 2019 và đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 02 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Đình P và chị Ngô Thị Hải Y thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con Lương Trung Đ, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2011 cho anh Lương Đình P nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc chị Ngô Thị Hải Y cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung: Anh Lương Đình P và chị Ngô Thị Hải Y không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lương Đình P nhận nộp cả 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, nhưng được trừ vào số tiền anh Lương Đình P đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0017191 ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố H. Anh Lương Đình P đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục P thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã T, T, HP
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Hải